TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.
2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Tạ Trần Phương D, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tân P, sinh năm 1993; HKTT: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Tây Ninh, nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông P vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 29/12/2022, quá trình tham gia tố tụng và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/6/2023, nguyên đơn bà Tạ Trần Phương D trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông P chung sống với nhau từ năm 2016. Hôn nhân giữa bà D và ông P là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào ngày 25/10/2017. Lý do xin ly hôn: Hai vợ chồng chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan

điểm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Việc mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nếu kéo dài không có lợi cho cả hai. Nay, bà D làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông P.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà D cung cấp gồm*: Đơn xin ly hôn ngày 29/12/2022 của bà D (bản chính); CCCD và xác nhận thông tin về cư trú của bà D (bản sao); Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú ngày 11/10/2021 của Công an xã M (bản chính); Chứng nhận kết hôn (bản chính); Bản tự khai ngày 29/12/2022 của bà D (bản chính); Đơn yêu cầu không hòa giải theo Bộ luật tố tụng dân sự ngày 28/3/2023 của bà D (bản chính).

** Bị đơn ông Nguyễn Tân P:*

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bị đơn ông P biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông P vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông P.

** Kết quả xác minh*:

Theo Thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú ngày 11/10/2021 của Công an xã M và Biên bản xác minh nơi cư trú ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thì ông P hiện có nơi cư trú tại Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Ông P và bà D có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 25/10/2017. Ông P và bà D không có con chung; mâu thuẫn giữa ông P và bà D thì địa phương không rõ.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà D đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà D khởi kiện ông P về việc ly hôn. Ông P có nơi cư trú tại Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng bà D và ông P theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn bà D:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà D và ông P chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 25/10/2017. Hôn nhân giữa bà D và ông P là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo bà D thì bà D và ông P thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà D thì Tòa án đã tiến hành triệu tập ông P nhiều lần đến Tòa án để làm việc, hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông P vẫn không có mặt, điều này cho thấy ông P không còn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 06/02/2023, thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà D và ông P địa phương không rõ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông P không đạt được những điều đó. Nên, yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà D và ông P không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Tài sản chung, nợ chung*: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "ly hôn" của bà Tạ Trần Phương D đối với ông Nguyễn Tân P.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Tạ Trần Phương D được ly hôn với ông Nguyễn Tân P.

1.2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà D và ông P không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. *Tài sản chung, nợ chung*: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Án phí: Bà Tạ Trần Phương D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011311 ngày 29/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng